

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/DSST
Ngày: 27-9-2024
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu tuyên bố di chúc vô
hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Liêm
- Ông Lê Minh Chiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Đoan Thục – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1947/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Võ Tấn T, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Văn K, công tác tại Công ty TNHH -, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số A đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

* **Bị đơn:** Ông Võ Thành Đ, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Võ Thị L, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Thọ Bình, thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

- Ông Võ Văn T1, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 86 đường Biên Cương, khu vực Tân Hoà, phường Nhơn Hoà, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

4. Bà Lý Nữ Hà L1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Hẻm 255 đường Đào Tấn, thôn Trung Tín 1, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

5. Bà Hồ Thị L2, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

7. Cụ Hà Thị D, chết ngày 10/6/2022

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ D:

7.1. Ông Võ Đình C, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

7.2. Ông Võ Đình C1, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

7.3. Bà Võ Thị D1, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

7.4. Bà Võ Thị Kiều N, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

8. UBND phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh M, Chủ tịch (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Tấn T trình bày:*

Cha Võ Thành S (chết năm 1973) mẹ tên Hà Thị C2 (chết năm 2021), cha mẹ có tất cả là 04 người con gồm bà Võ Thị L, ông (Võ Tấn T), Võ Thành Đ, Võ Văn T1. Cha mẹ không có con nuôi, cha không có con riêng, mẹ có 02 người con riêng gồm: Võ Thị Ngọc P và Lý Nữ Hà L1. Ông nội tên Võ K1, bà nội tên Nguyễn Thị N1 và ông ngoại tên Hà H1 chết đã lâu, chết trước cha mẹ; bà ngoại tên Hà Thị D chết ngày 10/6/2022.

Nguồn gốc thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N có nguồn gốc của ông bà nội (V, Nguyễn Thị N1) để lại cho cha mẹ (Võ Thành S, Hà Thị C2). Năm 1972 cha mẹ xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 gồm có 02 gian, các chị em

chung sống với cha mẹ tại nhà đất trên. Năm 1990 ông lập gia đình đến năm 1991 ông cắt khẩu chuyển đến sống tại thôn T, xã N. Thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 7 có diện tích 662m² (trong đó 200m² đất ở, 462m² đất vườn) tọa lạc tại khu vực A, phường N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ Hà Thị C2 vào năm 1993, hộ gia đình mẹ có 05 nhân khẩu được giao quyền sử dụng đất nông nghiệp gồm: mẹ Hà Thị C2 (chủ hộ), ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1.

Khi còn sống mẹ Hà Thị C2 và các chị em trong nhà thống nhất cho vợ chồng ông Đ phần đất ở hướng Đông để xây dựng nhà ở, giữa ngôi nhà của cha mẹ và ngôi nhà do vợ chồng ông Đ xây dựng có ranh giới là hàng rào lưới B40 do ông Đ xây dựng và cho ông Thành phần đất ở hướng Bắc đã xây dựng hàng rào lưới B40 ngăn cách với phần đất còn lại của mẹ. Năm 2020 vợ chồng ông về chung sống với mẹ, đến năm 2021 khi vợ chồng ông xây dựng công trình phụ (nhà tắm, nhà vệ sinh) thì mẹ có góp 01 chỉ vàng và em gái tên P đóng góp 20 bao xi măng và cát, sạn.

Cha chết năm 1973 không để lại di chúc, ngày 22/9/2020 mẹ lập di chúc tại UBND phường N có nội dung để lại cho ông (Võ Tấn T) sở hữu, sử dụng ½ nhà đất tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N; di chúc được UBND phường N chứng thực. Mẹ lập di chúc cho ông thì các anh chị em trong nhà đều biết, vì trước đó mẹ có bàn với các anh chị em trong nhà và mẹ cũng có bàn với cậu ruột là Võ Đình C về việc lập di chúc. Việc mẹ để lại đoạn video trước khi chết thì ông không biết, cho đến khi ông khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu chia thừa kế mới biết. Ông không tranh chấp chia 02 thửa ruộng hiện ông Đ đang canh tác. Ông xác định từ sau ngày Tòa án xem xét thẩm định tài sản (ngày 30/8/2022) đến nay thì hiện trạng nhà đất vẫn giữ nguyên không thay đổi, ông không có sửa hay xây dựng thêm công trình nào khác. Ông thống nhất với giá mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 30/8/2022, ông không yêu cầu định giá lại.

Ông yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ cho ông là ½ ngôi nhà xây dựng năm 1972 và ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 662m² (trong đó 200m² đất ở, 462m² đất vườn) theo di chúc của mẹ Hà Thị C2 lập ngày 22/9/2020 đã được UBND phường N chứng thực. Ông không đồng ý yêu cầu của bà L về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của mẹ lập ngày 22/9/2020 là vô hiệu. Tại phiên tòa, ông thống nhất công nhận cho vợ chồng ông Đ bà H và ông Thành phần diện tích đất mà lúc mẹ còn sống cùng với các chị em đã thống nhất cho vợ chồng ông Đ và ông T1, ông không đồng ý để ngôi nhà làm nhà từ đường.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thành Đ trình bày: Thống nhất như ông T trình bày về mối quan hệ gia đình, nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp. Thửa đất tranh chấp đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 có diện tích là 662m² (trong đó 200m² đất ở, 462m² đất vườn) tọa lạc tại khu vực A, phường N cho hộ gia đình do mẹ Hà Thị C2 đứng tên trong sổ đỏ vào năm 1993, có 05 nhân khẩu được giao quyền sử dụng đất nông nghiệp gồm: Mẹ Hà Thị C2, ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1.*

Trên phần đất tranh chấp có 01 ngôi nhà do cha mẹ xây dựng từ năm 1972 hiện vợ chồng ông T đang sử dụng. Lúc còn sống mẹ cùng các anh chị em thống nhất cho vợ chồng ông phân đất (không rõ diện tích) ở hướng Đ để xây dựng nhà ở và cho ông Thành phần đất có chiều ngang 5m ở hướng Bắc (phần đất nằm ở phía sau nhà mẹ), phần đất cho ông T1 và phần đất cho vợ chồng ông chưa tách thửa.

Cha mẹ chết không để lại di chúc, ông không biết gì về việc mẹ lập di chúc cho ông T, lúc còn sống cũng không nghe mẹ nói. Trước đó ông không biết đến đoạn video của mẹ để lại trước khi chết nhưng sau khi ông T khởi kiện ở Tòa án thì em gái là Võ Thị Ngọc P mới chuyển cho các anh chị em nội dung đoạn video của mẹ do chính Võ Thị Ngọc P quay lại. Trong đoạn video mẹ kể lại nội dung bị ông T lừa dối mẹ chở lên phường ký đổi sổ đỏ sang sổ hồng nhưng làm di chúc. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, ông thống nhất theo yêu cầu độc lập của bà L là yêu cầu tuyên bố di chúc của mẹ Hà Thị C2 lập ngày 22/9/2020 do UBND phường N chứng thực là vô hiệu. Ông yêu cầu công nhận phần diện tích đất mà lúc còn sống mẹ và tất cả các anh chị em đã đồng ý cắt đất chia cho vợ chồng ông (Võ Thành Đ Võ Thị Thu H) và chia cho ông T1. Ông thống nhất chia cho ông T phần đất có chiều ngang 5m, phần đất còn lại làm nhà thờ cúng chung, tất cả các anh chị em cùng quản lý. Nếu chia theo pháp luật thì phần ông và ông T1 đã được mẹ cho rồi nên không chia nữa mà chia cho những người còn lại.

Ông xác định từ sau ngày Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2022 đến nay thì hiện trạng nhà đất vợ chồng ông quản lý vẫn giữ nguyên không thay đổi, ông không có sửa hay xây dựng thêm công trình nào trên đất. Ông thống nhất với giá mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 30/8/2022, ông không yêu cầu định giá lại.

** Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L trình bày:* Thống nhất như ông T trình bày về mối quan hệ gia đình, nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp. Thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình do mẹ Hà Thị C2 đứng tên trong sổ đỏ vào năm 1993 có 05 nhân khẩu được cấp đất nông nghiệp gồm mẹ Hà Thị C2, ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1. Bà xác định lúc còn sống thì mẹ có kêu tất cả các chị em về phân chia đất cho vợ chồng ông Đ phần đất ở hướng Đông để xây dựng nhà ở và chia cho ông Thành phần đất ở hướng Bắc (sau lưng nhà mẹ) có chiều ngang 5m, tất cả các anh chị em đều đồng ý, việc phân chia không có viết giấy tờ. Sau đó vợ chồng ông Đ đã xây dựng nhà ở, công trình phụ và giữa phần đất của vợ chồng ông Đ, ông T1 với phần đất của mẹ có ranh giới là tường rào lưới B40. Lúc còn sống mẹ không có lập di chúc, bà không biết di chúc cũng không nghe mẹ nói lập di chúc cho ông T, nhưng lúc mẹ bị bệnh nặng thì mẹ có nói việc bị ông T lừa dối chở đến phường N để ký giấy làm sổ hồng nhưng lại ký di chúc, việc này em gái có quay lại video.

Bà thống nhất công nhận phần đất đã phân chia cho vợ chồng ông Đ và ông T1, còn bản di chúc thì mẹ không lập và các chị em trong nhà không ai biết di chúc này, tự ý ông T làm và lừa dối chở mẹ lên UBND phường ký giấy sang sổ đỏ qua sổ hồng nên mẹ ký mà không biết nội dung. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà xác định di chúc lập ngày 22/9/2020 do ông T đưa ra là di chúc lừa dối mẹ

nên bà có yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 22/9/2020 được UBND phường N chứng thực là vô hiệu và yêu cầu phần nhà đất còn lại của cha mẹ (sau khi trừ phần đất đã chia cho vợ chồng Đ và ông T1) thì cắt 5m làm nhà thờ cúng chung, phần đất còn lại yêu cầu chia thừa kế cho 04 người con gồm bà (Võ Thị L), ông Võ Tấn T, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1. Nếu ông T không đồng ý thì giải quyết theo pháp luật, ông Đ và ông T1 đã được chia rồi nên không chia nữa mà chia cho những người còn lại. Bà thống nhất với giá mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 30/8/2022, không yêu cầu định giá lại.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1 trình bày:* Ông thống nhất về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc đất như các anh chị em đã trình bày. Năm 1972 cha mẹ xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 gồm có 03 gian lợp ngói, sau khi các anh chị em có gia đình ở riêng thì chỉ còn một mình mẹ sống tại nhà đất trên cho đến khi mất. Thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 7 có diện tích 662m² tọa lạc tại khu vực A, phường N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ Hà Thị C2 vào năm 1993, có 05 nhân khẩu được giao quyền sử dụng đất nông nghiệp gồm mẹ Hà Thị C2, Võ Thành Đ, Võ Văn T1, Võ Thị Ngọc P, Lý Nữ Hà L1.

Ông Đ sau khi đi bộ đội về lập gia đình thì được mẹ cho vợ chồng ông Đ phần đất ở phía Đông xây nhà ở, lúc đó không có nói rõ diện tích là bao nhiêu, tất cả các anh chị em đều đồng ý nên sau đó vợ chồng ông Đ xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, chuồng bò. Ngoài ra mẹ và các anh chị em còn đồng ý cắt cho ông phần đất ở phía Bắc sau lưng nhà mẹ, giữa phần đất của ông và ông Đ đã có ranh giới với phần đất của mẹ là tường rào lưới B40. Phần đất của ông và ông Đ vẫn còn trong sổ đỏ do mẹ đứng tên, chưa làm thủ tục tách thửa. Lúc còn sống thì mẹ ở một mình, khi mẹ đau nặng thì các con cùng về chăm lo nên mẹ có đưa tiền cho ông T để xây công trình phụ (gồm nhà tắm và nhà vệ sinh) và sau khi mẹ chết thì vợ chồng ông T về quản lý nhà của mẹ. Vợ chồng ông T có nhà riêng ở xã N nên nhà của mẹ thì ông T luôn khóa cửa, mẹ chết chưa tròn năm nhưng không cho chị em vào thắp nhang cho mẹ.

Sau khi ông T khởi kiện chia nhà đất của mẹ thì em gái Võ Thị Ngọc P có chuyển cho ông xem nội dung video mẹ để lại trước khi chết, qua đoạn video mẹ kể lại lúc đó mẹ đang bị bệnh thì vợ chồng ông T nói dối mẹ chở lên phường ký làm sổ hồng nên mẹ ký mà không biết nội dung ghi gì nhưng gian dối làm di chúc và sau đó lấy sổ đỏ cắt, mẹ đòi nhưng ông T không trả. Ông không biết gì về di chúc ngày 22/9/2020 và cũng không biết nội dung di chúc, đến khi ông nhận được thông báo thụ lý của Tòa án mới biết về nội dung di chúc.

Lúc mẹ còn sống thì mẹ và các anh chị em đồng ý cho ông Đ phần đất xây nhà ở và cắt cho ông phần đất 05m chiều ngang do chính ông T và ông Đ kéo thước đo đất và xây dựng hàng rào lưới B40 nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện chia theo di chúc của ông T. Ông yêu cầu hủy bỏ di chúc, yêu cầu công nhận phần đất mẹ và các anh em đã cắt cho ông và anh Đ. Ông thống nhất cắt cho ông T 5m chiều ngang, phần đất của mẹ còn lại thì giao cho 03 người là bà L, bà P và bà L1; còn ngôi nhà của mẹ thì giữ nguyên để làm nhà từ đường, mỗi người đều được đi về để thắp nhang cho mẹ. Ngoài ra ông không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc P trình bày:* Thống nhất về nguồn gốc đất và mối quan hệ gia đình như các anh chị em đã trình bày. Năm 1993 hộ gia đình mẹ có 05 nhân khẩu được cấp đất nông nghiệp gồm mẹ Hà Thị C2, Võ Thành Đ, Võ Văn T1, Võ Thị Ngọc P và Lý Nữ Hà L1. Lúc mẹ còn sống thì năm nào bà không nhớ, mẹ có kêu tất cả các anh chị em về phân chia cho ông Đ phần đất ở phía Đông để xây dựng nhà ở và chia cho ông Võ Văn Thành P1 đất ở phía Bắc (sau lưng nhà mẹ) có chiều ngang 5m, tất cả các anh chị em đồng ý, việc phân chia này không có viết giấy tờ.

Sau đó vợ chồng ông Đ xây dựng nhà ở, công trình phụ, giữa phần đất của ông Đ với phần đất của mẹ có ranh giới là tường rào lưới B40 do ông Đ xây dựng. Còn phần đất phân chia cho ông T1 thì cũng đã xây hàng rào lưới B40 bao quanh phần đất của ông T1. Năm 2021 khi làm công trình phụ gồm nhà tắm và nhà vệ sinh cho mẹ thì bà có đóng góp cát, sạn, 20 bao xi măng nhưng bà chỉ trình bày cho biết chứ không có yêu cầu gì đối với chi phí đã đóng góp. Cha mẹ chết không để lại di chúc.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, vì di chúc này mập mờ và không được mẹ thừa nhận, lúc mẹ đau nặng bức xúc chuyện ông T không về lo cho mẹ nên mẹ có kể lại việc ông T lừa dối mẹ nói đưa sổ đỏ cho ông T đổi từ sổ đỏ sang sổ hồng và ông T chở mẹ lên phường nói ký giấy đổi sổ nên mẹ ký chứ mẹ không biết đó là di chúc. Khi nghe mẹ kể thì bà có quay lại video lời mẹ nói nhưng do mẹ đã mất nên bà cắt mà không cho các anh chị em trong nhà biết việc quay lại video lời mẹ nói trước khi mất, cho đến khi ông T kiện chia nhà đất của mẹ thì bà mới cho các anh chị em trong nhà biết. Bà thống nhất theo yêu cầu độc của bà L về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của mẹ lập ngày 22/9/2020 là vô hiệu và yêu cầu Tòa án công nhận phần đất lúc còn sống mẹ và các anh chị em đồng ý phân chia cho vợ chồng ông Đ theo hiện trạng nhà ông Đ đã xây dựng và phân chia phần đất cho ông T1 theo ranh giới đã được xây dựng hàng rào lưới B40. Phần nhà đất còn lại của cha mẹ thì cắt 5m làm nhà thờ cúng chung, phần đất còn lại thì chia thừa kế cho 04 người con gồm Võ Thị L, Võ Tấn T, bà (Võ Thị Ngọc P) và Lý Nữ Hà L1, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Bà thống nhất với giá mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 30/8/2022 không yêu cầu định giá lại.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo bà Lý Nữ Hà L1 trình bày:* Thống nhất như các anh chị đã trình bày về mối quan hệ gia đình, nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp và nhân khẩu cấp đất của hộ gia đình. Cha mẹ chết không để lại di chúc, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, thống nhất theo yêu cầu độc lập của bà L là yêu cầu tuyên bố di chúc của mẹ lập ngày 22/9/2020 do UBND phường N chứng thực là vô hiệu. Lúc mẹ nói lại sự việc bị vợ chồng ông T chở mẹ lên phường lừa dối ký sổ hồng thì có mặt bà và ông Dượng (là chồng của dì N) cùng chứng kiến. Vì thời gian đó mẹ đau nặng nên các chị em bà về để chăm sóc cho mẹ còn vợ chồng ông T thì ở N không về.

Lúc mẹ còn sống thì mẹ và các anh chị em đồng ý cắt cho ông Đ phần đất xây nhà và cắt phần đất cho ông T1 thì hai phần đất này đã xây hàng rào lưới B40 với phần đất còn lại của mẹ nên bà thống nhất yêu cầu công nhận cho ông Đ phần diện tích đất mà ông Đ đã xây dựng nhà ở và phần diện tích đất chia cho ông T1. Phần đất

còn lại thì bà thống nhất cắt chia cho ông T ½ nhà đất, còn ½ nhà đất còn lại thì để làm nhà thờ cúng chung và giao cho ông T1 quản lý, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bà Hồ Thị L2 trình bày:* Bà thống nhất về mối quan hệ gia đình chồng và nguồn gốc nhà đất tranh chấp như ông T đã trình bày. Bà xác định năm 2020 khi vợ chồng về chung sống tại nhà của mẹ chồng do nhà mẹ chồng không có nhà vệ sinh và nước sinh hoạt nên năm 2021 mẹ chồng có đưa cho vợ chồng bà 0 chỉ vàng và vợ chồng bà có bỏ thêm tiền để xây dựng thêm 01 phòng ngủ, 01 phòng bếp, công trình phụ (nhà tắm + nhà vệ sinh), đóng 01 giếng nước sinh hoạt và làm cổng ngõ sắt. Bà chỉ trình bày cho biết chứ không yêu cầu thanh toán chi phí vợ chồng sửa chữa, thống nhất theo yêu cầu và ý kiến của ông T.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bà Võ Thị Thu H trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông Đ về mối quan hệ gia đình chồng và nguồn gốc nhà đất. Khi còn sống mẹ chồng và các anh chị em chồng cho đất vợ chồng bà xây dựng nhà ở phía dưới nhà của mẹ chồng thì vợ chồng bà đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói, công trình phụ (nhà tắm, nhà vệ sinh), 01 chuồng bò, tường rào cổng ngõ. Hiện phần đất phân chia cho vợ chồng bà đã có ranh giới với nhà của mẹ chồng là hàng rào lưới B40 do vợ chồng bà xây dựng, phần đất này vẫn còn chung trong sổ đỏ của mẹ chồng, chưa tách thửa. Phần đất mẹ chồng và các anh chị em chồng cho vợ chồng bà thì bà không biết diện tích là bao nhiêu, lúc đó phần đất này có nhiều bụi chuối, hàng rào cây sồng và cây tre rất rậm rạp, mẹ chồng chỉ vị trí đất đó thì vợ chồng xây nhà chứ không rõ là diện tích bao nhiêu, sau này vợ chồng bà phát cây, dỡ bỏ hàng rào cây sồng xây lại hàng rào lưới B40 thì mới thông thoáng như hiện nay.

Sau khi mẹ chồng bị bệnh nặng thì gọi hết các anh chị em về chia em chồng Võ Văn Thành phần đất ở phía sau nhà của cha mẹ, lúc đó các anh chị em chồng đồng ý nên chồng và anh chồng Võ Văn T2 kéo thước đo rồi chồng bà xây dựng hàng rào lưới B40 trên phần đất chia cho ông T1. Bà yêu cầu công nhận phần đất mà lúc mẹ chồng còn sống và có đủ mặt tất cả các anh chị em chồng đã đồng ý cắt đất cho vợ chồng bà (Võ Thành Đ -Võ Thị Thu H) và ông Võ Văn T1. Bà thống nhất theo yêu cầu của ông Đ.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Hà Thị D, ông Võ Đình C trình bày:* Ông là cậu ruột của ông T2 và ông Đ, mẹ ông cụ Hà Thị D2 chết ngày 10/6/2022, mẹ ông và người chồng thứ nhất có 01 người con là bà Hà Thị C2, mẹ ông và người chồng thứ 2 tên Võ T3 là cha của ông, cha mẹ ông có 04 người con gồm ông (Võ Đình C), Võ Thị D1, Võ Thị Kiều N, Võ Đình C1.

Khi bà C2 còn sống, bà C2 về thăm mẹ đau có nói đến chuyện lập di chúc cho tài sản cho người con lớn là Võ Tấn T thì ông có nói với bà C2 là cứ suy nghĩ cho kỹ rồi muốn cho ai thì đến UBND phường N lập di chúc. Lần sau khi bà C2 về nhà thăm mẹ thì nói cho ông biết là đã lập di chúc rồi, ông có hỏi là di chúc cho ai thì bà C2 nói cho con trai lớn là T. Ông không biết đoạn video bà C2 để lại trước lúc chết nói về

việc lập di chúc, ông xác định không có liên quan gì đến việc tranh chấp của anh em ông T - ông Đ. Ông mong muốn thực hiện theo ý nguyện của bà Hà Thị C2 lúc còn sống, trong trường hợp Tòa án chia thừa kế theo pháp luật mà ông cũng có quyền lợi thì ông từ chối không hưởng mà giao lại cho Võ Tấn T hưởng để thờ phụng chị của ông.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Hà Thị D, ông Võ Đình C1 trình bày:* Ông là cậu ruột của ông T và ông Đ, mẹ ông Hà Thị D2 chết tháng 5/2022 âm lịch, mẹ ông có người chồng thứ nhất có 01 người con là bà Hà Thị C2 và người chồng thứ hai là cha ông (V) chết năm 1976, cha mẹ ông có 04 người con gồm Võ Đình C1 (tên trước đây của ông là Võ Đình C3), Võ Thị D1, Võ Thị Kiều N, Võ Đình C. Ông không biết nguồn gốc đất của bà Hà Thị C2 để lại, khoảng năm 2021 lúc bà C2 còn sống, trong dịp ông về quê ăn giỗ cha có nghe bà C2 nói với ông và ông Võ Đình C về chuyện lập di chúc để lại tài sản cho ông Võ Tấn T, ông mới nói với bà C2 là con chị, chị hiểu rõ nhất, chị muốn để lại nhà đất cho ai thì quyền của chị. Thời điểm đó bà C2 đã phát hiện bệnh ung thư phổi nhưng tinh thần vẫn còn minh mẫn, sức khỏe ổn định, sau lần đó thì ông không lần nào gặp bà C2 nữa. Sau này ông có nghe nói lại là anh em nhà ông T, ông Đ phát sinh tranh chấp đất đai của bà C2 để lại. Ông xác định không có liên quan gì đến việc tranh chấp của anh em ông T, Đ. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế theo pháp luật thì đối với phần quyền lợi ông được hưởng trong vụ án này, ông từ chối nhận và giao lại cho Võ Văn T2 nhận để thờ cúng chị ông.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Hà Thị D, bà Võ Thị D1 trình bày:* Cụ Hà Thị D có 02 người chồng là cụ Hà H1 chết đã lâu có 01 người con là bà Hà Thị C2, sau khi cụ H1 chết thì cụ Hà Thị D lấy cụ Võ T3, cụ Võ T3 chết năm 1975. Cụ D và cụ T3 có 04 người con: Võ Đình C1, Võ Thị D1, Võ Thị Kiều N, Võ Đình C.

Việc tranh chấp thừa kế giữa ông T2, ông Đ và yêu cầu độc lập của bà Võ Thị L, bà không có ý kiến cũng không có yêu cầu gì, không tranh chấp gì với thừa đất trên.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Hà Thị D, bà Võ Thị Kiều N trình bày:* Cụ Hà Thị D có 05 người con gồm Hà Thị C2, Võ Đình C1, Võ Thị D1, Võ Thị Kiều N, Võ Đình C; trong đó bà Hà Thị C2 là con của cụ D với người chồng trước. Nguồn gốc nhà đất tại thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 7 có diện tích 662m² (trong đó 200m² đất ở, 462m² đất vườn) tọa lạc tại khu vực A, phường N do bà Hà Thị C2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của vợ chồng bà Hà Thị C2, việc bà C2 lập di chúc ngày 22/9/2020 thì bà không biết. Khi bà về thăm bà C2 thời gian khoảng tháng 3, 4 năm 2021, khi đó bà C2 bị bệnh ung thư, theo lời bà C2 kể thì khi đó ông T2 có nói bà C2 đưa sổ đỏ để ông T2 làm lại sổ hồng nhưng ông T2 giữ luôn không trả lại cho bà C2. Bà thống nhất với ý kiến của bà L là tuyên bố di chúc trên vô hiệu vì bị lừa dối và để các bên chia thừa kế theo thỏa thuận, nếu ông T2 không đồng ý thì chia theo quy định của pháp luật.

** Theo bản biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại*

diện theo pháp luật của UBND phường N ông Nguyễn Minh M trình bày: Di chúc của bà Hà Thị C2 sinh năm 1945 trú tại khu vực A, phường N, thị xã A lập ngày 22/9/2020 do UBND phường N chứng thực là đúng theo trình tự pháp luật. Lúc này thực hiện theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chứng thực và theo Thông tư hướng dẫn số 01/2020 về sửa đổi, bổ sung Nghị định 23/NĐ-CP thì bà Hà Thị C2 đã trực tiếp ký, lăn tay trước mặt người tiếp nhận hồ sơ là ông Nguyễn Thanh P2, công chức tư pháp phường N. Do đó di chúc ngày 22/9/2020 của bà Hà Thị C2 được UBND phường N chứng thực là hợp pháp, UBND phường N không đồng ý với yêu cầu của bà Võ Thị L về việc yêu cầu tuyên bố di chúc trên vô hiệu. Hiện thửa đất đang tranh chấp giữa ông Võ Tấn T và ông Võ Thành Đ là thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N nằm trong dự án mở đường H -A nhưng chưa có quyết định thu hồi đất cũng chưa có phương án thu hồi và bồi thường cụ thể, dự án mở đường này do UBND thị xã A thực hiện.

** Luật sư Lê Văn K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn ông Võ Tấn T:* Về hình thức di chúc của cụ Hà Thị C2 lập ngày 22/9/2020 do UBND phường N chứng thực là hợp pháp. Về nội dung phù hợp với đất ở nhưng không phù hợp với diện tích đất trồng cây là 462m², vì 462m² giao cho hộ gia đình, bà C2 không có quyền cho hết 462m² đất vườn khi chưa có ý kiến của các thành viên hộ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Võ Tấn T được hưởng 140m² đất ở và 92,4m² đất vườn thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N, tỉnh Bình Định. Về phần tài sản, sau khi Hội đồng xét xử chia đất ở, đất vườn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định phân tài sản trên đất.

** Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.*

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 630, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 203 Luật Đất đai 2013 và Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn T về việc chia thừa kế theo di chúc
2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị L. Tuyên bố di chúc của bà Hà Thị C2 lập ngày 22/9/2020 do UBND phường N chứng thực là vô hiệu.
3. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản chung của ông Võ Thành S và bà Hà Thị C2 gồm nhà ở ký hiệu (1) giá trị 68.923.008đ và 200m² đất ở và di sản của riêng của bà Hà Thị C2 là 92,4m² đất vườn cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S, bà C2.

- Bà Võ Thị L, ông Võ Tấn T, ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1 mỗi người được hưởng giá trị nhà ký hiệu (1) là 12.799.986đ, đất ở 37,14m² và đất vườn

13,2m².

- Bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 mỗi người được hưởng giá trị nhà ký hiệu (1) là 5.907.686đ, đất ở 17,14m² và đất vườn 13,2m².

- Những người thừa kế kế tiếp của cụ Hà Thị D là ông Võ Đình C1, bà Võ Thị D1, bà Võ Thị Kiều N và ông Võ Đình C được hưởng giá trị nhà ký hiệu (1) là 5.907.686đ, đất ở 17,14m² và đất vườn 13,2m².

Trường hợp người nào được nhận kỷ phần nhiều hơn thì có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho những người được nhận kỷ phần ít hơn.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Đình C1 và ông Võ Đình C giao phần di sản được hưởng cho ông Võ Tấn T để thờ cúng.

5. Đối với phần diện tích đất vườn còn lại 369,6m² thuộc quyền sử dụng của 04 nhân khẩu là ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1.

6. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Riêng bà Võ Thị D1 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Võ Thị L số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí.

7. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Buộc các đương sự phải chịu phần chi phí định giá theo tỷ lệ phần trăm tài sản mình được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Tấn T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc đối với nhà đất tại thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N, tỉnh Bình Định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L có yêu cầu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 22/9/2020 do UBND phường N chứng thực vô hiệu và chia thừa kế theo quy định của pháp luật nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu theo quy định tại khoản 5, khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[1.2] Xác định sự vắng mặt của các đương sự: Ông Võ Đình C1, bà Võ Thị D1, bà Lý Nữ Hà L1 và người đại diện UBND phường N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của ông C1, bà D1, bà L1 và người đại diện của UBND phường N.

[1.3] Tại phiên tòa ông Võ Văn T1 và ông Võ Thành Đ thống nhất hủy ủy quyền ngày 31/5/2022, ông Võ Văn T1 tự mình tham gia tố tụng nên công nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định thời hiệu khởi kiện: Theo bản sao trích lục khai tử số

146/TLKT-BS ngày 18/9/2020 của UBND phường N thì cụ Võ Thành S chết ngày 20/3/1973 thuộc trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 nên căn cứ tại khoản 4 Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990 (Theo giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ và Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao). Đến ngày 10/5/2022 ông Võ Tấn T mới thực hiện việc khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản của cụ Võ Thành S đã hết. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án thì các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo bản sao trích lục khai tử số 116/TLKT-BS ngày 09/8/2021 của UBND phường N cụ Hà Thị C2 chết ngày 01/8/2021 nên thời điểm mở thừa kế của cụ C2 là ngày 01/8/2021. Ngày 10/5/2022 ông Võ Tấn T có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, áp dụng Điều 623 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm nên còn thời hiệu khởi kiện. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L có yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Hà Thị C2 lập ngày 22/9/2020 được UBND phường N chứng thực là vô hiệu với lý do bị lừa dối. Theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự, về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là 02 năm kể từ ngày người bị lừa dối biết hoặc phải biết giao dịch dân sự xác lập do bị lừa dối. Xét chứng cứ là đoạn video có hình ảnh, âm thanh do ông Võ Văn T1 cung cấp xác định thời điểm đoạn video được quay lại là vào ngày 16/7/2021, lúc này cụ Hà Thị C2 kể lại sự việc ông Võ Tấn T chở đến U ký giấy đổi từ sổ đỏ sang sổ hồng nhưng lại ký di chúc. Cụ C2 chết ngày 01/8/2021 đến ngày 10/6/2022 bà L có yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Xác định người thừa kế: Cụ Võ Thành S chết năm 1973 nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ S gồm: cụ Hà Thị C2, bà Võ Thị L, ông Võ Tấn T, ông Võ Thành Đ và ông Võ Văn T1. Cụ Hà Thị C2 chết năm 2020 nên tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của cụ C2 gồm: bà Võ Thị L, ông Võ Tấn T, ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Ngọc P, bà Lý Nữ Hà L1 và cụ Hà Thị D (mẹ của cụ C2). Theo bản sao trích lục khai tử số 114/TLKT-BS ngày 23/6/2022 của UBND phường N thì cụ D chết ngày 10/6/2022 (bút lục 107) nên người thừa kế chuyển tiếp của cụ D gồm ông Võ Đình C1, bà Võ Thị D1, bà Võ Thị Kiều N và ông Võ Đình C.

[2.3] Xác định di sản thừa kế:

[2.3.1] Căn cứ công văn số 133/UBND ngày 14/10/2022 của UBND phường N và các chứng cứ do UBND phường N cung cấp gồm sổ mục kê ruộng đất năm 1984, bản đồ địa chính năm 1983, sổ địa chính năm 1994, bản đồ năm 1993 thì nguồn gốc thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 có diện tích 662m² vào năm 1984 là thửa đất số 966 tờ bản đồ số 9 có diện tích 736m² đất thổ cư đứng tên người sử dụng trong sổ mục kê là cụ Hà Thị C2. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định nguồn gốc thửa đất trên của vợ chồng cụ S, cụ C2; năm 1972 vợ chồng cụ Võ Thanh S1, cụ

Hà Thị C2 xây dựng trên thửa đất này 01 ngôi nhà cấp 4, do đó có căn cứ xác định nguồn gốc nhà đất trên là của vợ chồng cụ Võ Thanh S1, cụ Hà Thị C2 cùng tạo lập.

[2.3.2] Thực hiện theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Tại công văn số 1143/UBND ngày 02/8/2023 của UBND thị xã A, tỉnh Bình Định xác định thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 có diện tích 662m² được UBND huyện A (nay là thị xã A) cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Hà Thị C2 vào ngày 23/11/1993 do cụ C2 đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02367/QSĐĐ/I13. Lời khai của tất cả các đương sự trong vụ án xác định tại thời điểm giao quyền sử dụng ruộng đất năm 1993 thì thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 giao cho hộ gia đình cụ Hà Thị C2 có 5 nhân khẩu được giao quyền sử dụng ruộng đất gồm: cụ Hà Thị C2, ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 là hoàn toàn phù hợp với công văn số 526/CATX-QLHC ngày 31/5/2022 của Công an thị xã A, tỉnh Bình Định về việc cung cấp nhân khẩu gia đình và các chứng cứ kèm theo gồm bản sao sổ hộ khẩu, bản khai nhân khẩu.

[2.3.3] Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng thửa đất có diện tích đất đo đạc theo hiện trạng là 826,5m²(trong đó 200m² đất ở, 626,5m² đất vườn và có 143,1m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông), diện tích đất chênh lệch tăng so với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 164,5m² (diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 662m²). Tại công văn số 341/UBND ngày 06/9/2024 của UBND phường N và công văn số 1618/UBND-NC ngày 27/9/2024 của UBND thị xã A xác định diện tích đất chênh lệch tăng 164,5m², trong đó diện tích đất tăng 139,5m² là do sai số trong quá trình đo vẽ trước đây, trong quá trình sử dụng không tranh chấp với các hộ liền kề, đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng ruộng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Còn diện tích tăng 25m² là do lấn đất giao thông ở phía Nam nêu yêu cầu tự tháo dỡ và trả lại cho Nhà nước. Như vậy diện tích đất được công nhận cho hộ cụ Hà Thị C2 là 801,5m² (826,5m² - 25m²) (trong đó 200m² đất ở, 601,5m² đất vườn).

[2.3.4] Theo Điều 2 bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (Ban hành kèm theo Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ) chỉ cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp, trong đó có đất vườn không cân đối đất ở, cho nên diện tích đất ở 200m² là tài sản chung của vợ chồng cụ Võ Thanh S1 cụ Hà Thị C2, còn 601,5m² đất vườn là tài sản chung của hộ gia đình cụ Hà Thị C2 có 5 nhân khẩu được giao đất gồm: cụ Hà Thị C2, ông Võ Thành Đ, ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1.

[2.3.5] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2022 thì trên thửa đất đang tranh chấp có các công trình do vợ chồng cụ S1 cụ C2 xây dựng năm 1972 gồm 01 ngôi nhà ký hiệu Nhà 1 có diện tích xây dựng 79,2m²; vợ chồng ông Võ Thành Đ, bà Võ Thị Thu H đang quản lý sử dụng phần đất ký hiệu B có diện tích 296,3m² xây dựng các công trình 01 ngôi nhà có diện tích xây dựng 82,1m², công trình phụ, 01 chuồng bò; Phần đất ký hiệu C có diện tích 132,7m² do ông Võ Văn T1 quản lý sử dụng, giữa các phần đất có ranh giới là tường nhà và hàng rào lưới B40.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định lúc cụ Hà Thị C2 còn sống thì cụ C2 cùng với tất cả những người con đã thống nhất chia đất cho ông T1 và chia đất cho vợ chồng ông Đ bà H để xây dựng nhà ở; phần đất được phân chia cho vợ chồng ông Đ, ông T1 đã có ranh giới với phần đất còn lại là phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

[2.3.6] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu công nhận phần diện tích đã phân chia vợ chồng ông Đ bà H và ông T1, không tranh chấp chia diện tích này, không chia cho ông T1 và ông Đ phần diện tích đất còn lại (sau khi trừ phần diện tích đất đã công nhận cho ông T1 và vợ chồng ông Đ) và thống nhất phần diện tích đất còn lại chia cho những người thừa kế còn lại của cụ S1 cụ C2 theo quy định của pháp luật và chia phần đất hộ gia đình cho các thành viên hộ gia đình còn lại. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử công nhận giao phần đất ký hiệu B có diện tích 287,1m² (296,3m² – 9,6m² lần đất giao thông ở phía Nam) (trong đó 50m² đất ở, 237,1m² đất vườn) cho vợ chồng ông Võ Thành Đ bà Võ Thị Thu H quản lý sử dụng. Giao phần đất ký hiệu C có diện tích 132,7m² (trong đó 50m² đất ở, 82,7m² đất vườn) cho ông Võ Văn T1 quản lý sử dụng. Như vậy, thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 có diện tích đất còn lại là 381,7m² (trong đó 100m² đất ở và 281,7m² đất vườn).

[2.4] Xác định tính hợp pháp của di chúc:

[2.4.1] Xét di chúc của cụ Hà Thị C2 lập ngày 22/9/2020, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào hồ sơ chứng thực di chúc do UBND phường N cung cấp thì vào ngày 22/9/2020 cụ Hà Thị C2 có đến UBND phường N lập di chúc. Theo nội dung di chúc, cụ C2 định đoạt ½ quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất và một kỷ phần thừa kế cụ C2 được thừa kế từ cụ S1 để lại tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 để lại cho người con là ông Võ Tấn T, di chúc của cụ C2 đã được UBND phường N chứng thực ngày 22/9/2020. Như vậy về hình thức của di chúc có chứng thực là phù hợp với quy định nhưng về nội dung thì cụ C2 quyết định để lại ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 cho ông T là vượt quá phần tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của cụ C2, bởi phần đất vườn là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình gồm cụ C2, ông T1, ông Đ, bà P, bà L1. Hơn nữa trước thời điểm lập di chúc thì thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 đã được cụ và các con là những người thừa kế và thành viên hộ gia đình thỏa thuận phân chia cho ông T1 diện tích đất 132,7m², chia cho vợ chồng ông Đ diện tích đất 296,3m², vợ chồng ông Đ đã xây dựng nhà ở vào năm 1998. Mặc khác đến ngày 16/7/2021 trước khi chết (cụ C2 chết ngày 1/8/2021) thì cụ C2 có kể lại trong đoạn video do ông T1 cung cấp nội dung sự việc cụ bị vợ chồng ông T chở đến UBND phường N lừa dối ký đổi sổ đỏ sang sổ hồng nên cụ ký mà không biết đó là di chúc và cán bộ tiếp nhận cũng không đọc lại nội dung cho cụ nghe trước khi ký. Như vậy di chúc của cụ Hà Thị C2 được UBND phường N chứng thực ngày 22/9/2020 có nội dung quy phạm điều cấm của Luật, không đảm bảo về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, không hợp pháp theo quy định tại Điều 630 Bộ luật Dân, di chúc bị lừa dối nên bị vô hiệu theo quy định tại các Điều 123, Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự.

[2.4.2] Do di chúc của cụ Hà Thị C2 được UBND phường N chứng thực ngày 22/9/2020 không hợp pháp nên không phát sinh hiệu lực, do đó phần di sản của vợ chồng cụ S1 cụ C2 sẽ được chia thừa kế theo quy định pháp luật cho những người thừa kế còn lại của cụ S1 cụ C2. Như vậy sau khi trừ diện tích 132,7m² (trong đó 50m² đất ở, 82,7m² đất vườn) giao cho ông Võ Văn T1 quản lý sử dụng và trừ diện tích 287,1m² (trong đó 50m² đất ở, 137,1m² đất vườn) giao cho vợ chồng ông Võ Thành Đ bà Võ Thị Thu H quản lý, sử dụng thì thừa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 có diện tích đất còn lại là 381,7m² (có 100m² đất ở, 281,7m² đất vườn).

[2.4.3] Tài sản chung giữa cụ S1, cụ C2 là 100m² đất ở (phần cụ S1 50m² đất ở, cụ C2 50m² đất ở) và quyền sử dụng đất vườn còn lại của hộ gia đình là 281,7m² được chia cho 3 nhân khẩu gồm cụ C2, bà P, bà L1 mỗi người là 93,9m² đất vườn. Ngôi nhà do vợ chồng cụ S1 cụ C2 xây dựng từ năm 1972 đến năm 2021 cụ C2 góp 01 chỉ vàng cùng vợ chồng ông T bà L2 và bà P đóng góp tiền, cát sạn, xi măng để sửa chữa nhà và xây dựng công trình phụ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vợ chồng ông T bà L2 và bà P không có tranh chấp yêu cầu thanh toán giá trị sửa chữa nhà, xây dựng công trình phụ nên không giải quyết. Theo biên bản định giá tài sản ngày 30/8/2022 thì ngôi nhà do vợ chồng cụ S1 cụ C2 xây dựng giá trị là 68.923.008đ là tài sản chung của vợ chồng cụ S1 cụ C2 nên mỗi người là 34.461.504đ (68.923.008đ : 2). Riêng nhà vệ sinh + hệ thống ngầm nhà vệ sinh có giá trị 22.219.776đ do cụ C2 xây dựng năm 2021 nên là tài sản riêng của cụ C2.

[2.5] Chia thừa kế theo pháp luật:

[2.5.1] Tại phiên tòa ông T yêu cầu chia theo di chúc; ông T1, ông Đ, bà L, bà P, bà L1 yêu cầu để lại một phần nhà đất làm nơi thờ cúng, phần còn lại chia cho 4 người gồm ông T, bà L, bà P và bà L1. Do các đương sự không thống nhất với nhau về chia di sản của cụ S1 cụ C2 và di chúc của cụ C2 không hợp pháp nên di sản của cụ S1 và cụ C2 được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế còn lại của cụ S1 và cụ C2.

[2.5.2] Như vậy di sản của cụ Võ Thành S gồm 50m² đất ở và giá trị nhà 34.461.504đ được chia thừa kế cho những người thừa kế còn lại của cụ S gồm: cụ Hà Thị C2, bà Võ Thị L, ông Võ Tấn T mỗi người được nhận 16,67m² đất ở (50m² đất ở : 3) và số tiền 11.487.168đ (34.461.504đ : 3).

[2.5.3] Di sản của cụ C2 gồm 66,67m² đất ở (trong đó 50m² đất ở + 16,67m² đất ở nhận thừa kế của cụ S) + 93,9m² đất vườn theo định mức nhân khẩu và số tiền 68.168.448đ (trong đó 34.461.504đ giá trị nhà chia tài sản chung với cụ S + 22.219.776đ giá trị tài sản riêng của cụ C2 + 11.487.168đ nhận thừa kế của cụ S) sẽ được chia cho người thừa kế còn lại của cụ C2 gồm: bà Võ Thị L, ông Võ Tấn T, bà Võ Thị Ngọc P, bà Lý Nữ Hà L1 và cụ Hà Thị D mỗi người được nhận 13,33m² đất ở (66,67m² đất ở : 5); 18,78m² đất vườn (93,9m² đất vườn : 5) và số tiền 13.633.689đ (68.168.448đ : 5).

[2.5.4] Cụ Hà Thị D chết ngày 10/6/2022 nên những người thừa kế của cụ D được nhận kỹ phần thừa kế của cụ D. Do bà Võ Thị D1 không có yêu cầu đối với di sản của cụ D nên chia cho 03 người còn lại là ông Võ Đình C1, bà Võ Thị Kiều N và ông Võ Đình C mỗi người được nhận là 4,44m² đất ở (13,33m² đất ở : 3); 6,26m² đất

vườn ($18,78\text{m}^2$ đất vườn : 3) và số tiền 4.544.563đ ($13.633.689\text{đ}$: 3). Riêng ông Võ Đình C1 và ông Võ Đình C tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế cho ông Võ Tấn T nên công nhận.

[2.5.5] Tổng cộng ông Võ Tấn T được nhận $38,88\text{m}^2$ đất ở (trong đó $16,67\text{m}^2$ đất ở nhận thừa kế từ cụ S + $13,33\text{m}^2$ đất ở nhận thừa kế từ cụ C2 + $4,44\text{m}^2$ đất ở phần ông C tặng cho + $4,44\text{m}^2$ đất ở phần ông C1 tặng cho) + $31,3\text{m}^2$ đất vườn (trong đó $18,78\text{m}^2$ đất vườn nhận di sản từ cụ C2 + $6,26\text{m}^2$ đất vườn phần ông C tặng cho + $6,26\text{m}^2$ đất vườn phần ông C1 tặng cho) và số tiền 34.209.983đ (trong đó 11.487.168đ nhận thừa kế từ cụ S + $13.633.689\text{đ}$ nhận thừa kế từ cụ C2 + 4.544.563đ nhận phần ông C tặng cho + 4.544.563đ nhận phần ông C1 tặng cho).

[2.5.6] Bà Võ Thị L được nhận 30m^2 đất ở (trong đó $16,67\text{m}^2$ đất ở nhận thừa kế từ cụ S + $13,33\text{m}^2$ đất ở nhận di sản từ cụ C2) + $18,78\text{m}^2$ đất vườn nhận di sản từ cụ C2 và số tiền 25.120.857đ (trong đó 11.487.168đ nhận thừa kế từ cụ S + $13.633.689\text{đ}$ nhận thừa kế từ cụ C2).

[2.5.7] Bà Võ Thị Ngọc P được nhận $13,33\text{m}^2$ đất ở từ di sản của cụ C2 + $112,68\text{m}^2$ đất vườn (trong đó $18,78\text{m}^2$ đất vườn nhận di sản từ cụ C2 + $93,9\text{m}^2$ đất vườn theo định mức nhân khẩu) và số tiền 13.633.689đ nhận thừa kế từ cụ C2.

[2.5.8] Bà Lý Nữ Hà L1 được nhận $13,33\text{m}^2$ đất ở từ di sản của cụ C2 + $112,68\text{m}^2$ đất vườn (trong đó $18,78\text{m}^2$ đất vườn nhận di sản từ cụ C2 + $93,9\text{m}^2$ đất vườn theo định mức nhân khẩu) và số tiền 13.633.689đ nhận thừa kế từ cụ C2.

[2.5.9] Bà Võ Thị Kiều N được nhận $4,44\text{m}^2$ đất ở + $6,26\text{m}^2$ đất vườn + số tiền 4.544.563đ do hưởng thừa kế chuyển tiếp từ cụ D.

[2.6] Chia di sản theo hiện vật: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2022 kèm theo sơ đồ hiện trạng, căn cứ vào đặc điểm của thửa đất, mục đích và nhu cầu sử dụng đất, kỷ phần thừa kế mỗi người được hưởng, đảm bảo điều kiện tách thửa theo quy định của Quyết định số 36/2024/QĐ-UB ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh B. Do đó chia di sản như sau:

[2.6.1] Giao phần đất có diện tích là 100m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở và 50m^2 đất vườn) tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định cho ông Võ Tấn T quản lý sử dụng, phần đất chia cho ông Võ Tấn T được ký hiệu D trên sơ đồ phân chia. So với kỷ phần thừa kế ông Võ Tấn T được hưởng $38,88\text{m}^2$ đất ở và $31,3\text{m}^2$ đất vườn thì phần đất giao thừa $11,12\text{m}^2$ đất ở ($50\text{m}^2 - 38,88\text{m}^2$) và thừa $18,7\text{m}^2$ đất vườn ($50\text{m}^2 - 31,3\text{m}^2$) nên Võ Tấn T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Kiều N giá trị $4,44\text{m}^2$ đất ở và $6,26\text{m}^2$ đất vườn với số tiền là 21.822.000đ [$(4,44\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 2.800.000\text{đ}/\text{m}^2) + (6,26\text{m}^2 \text{ đất vườn} \times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2)$].

[2.6.2] Giao ngôi nhà cấp 4 + công trình phụ và phần đất có diện tích là $281,7\text{m}^2$ (trong đó có 50m^2 đất ở và $231,7\text{m}^2$ đất vườn) tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 cùng quản lý sử dụng chung, phần đất giao cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 được ký hiệu A trên sơ đồ phân chia. So với kỷ phần thừa kế bà Võ Thị L được nhận 30m^2 đất ở và $18,78\text{m}^2$ đất

vườn; bà P được nhận 13,33m² đất ở và 112.68m² đất vườn; bà L1 được nhận 13,33m² đất ở và 112.68m² đất vườn. Tổng cộng 56,66m² đất ở và 244,14m² đất vườn thì phần đất giao thiếu 6,66m² đất ở (56,66m² – 50m²) và thiếu 12,44m² đất vườn (244,14m² - 231,7m²) nên ông Võ Tấn T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị L giá trị 6,66m² đất ở với số tiền là 18.648.000đ (6,66m² đất ở x 2.800.000đ/m²); thanh toán cho bà Võ Thị Ngọc P giá trị đất vườn với số tiền là 9.330.000đ [(12,44m² đất vườn x 1.500.000đ) : 2] và thanh toán cho bà Lý Nữ Hà L1 giá trị đất vườn với số tiền là 9.330.000đ [(12,44m² đất vườn x 1.500.000đ) : 2]). Bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 cùng có trách nhiệm liên đới ngang nhau trong việc thanh toán kỷ phần thừa kế giá trị nhà + công trình cho ông Võ Tấn T với số tiền 34.209.983đ (mỗi người có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.403.237đ). Đối trừ thì ông T còn thanh toán cho bà Võ Thị L số tiền 7.244.763đ (18.648.000đ - 11.403.237đ); bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 mỗi người còn thanh toán cho ông Võ Tấn T số tiền 2.073.237đ (11.403.237đ - 9.330.000đ). Bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 cùng có trách nhiệm liên đới ngang nhau trong việc thanh toán kỷ phần thừa kế giá trị nhà cho bà Võ Thị Kiều N số tiền là 4.544.563đ (mỗi người là 1.514.854đ).

[2.7] Về chi phí tố tụng:

[2.7.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí như sau :

[2.7.1.1] Ông Võ Tấn T được nhận tài sản có tổng giá trị là 190.023.983đ [(38,88m² đất ở x 2.800.000đ) + (31,3m² đất vườn x 1.500.000đ) + 34.209.983đ] nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.501.000đ (cách tính: 190.023.983đ x 5%), được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005249 ngày 11/5/2022, ông T còn phải nộp 6.501.000đ (Sáu triệu, năm trăm lẻ một nghìn đồng).

[2.7.1.2] Bà Võ Thị L được nhận tài sản có tổng giá trị là 137.290.897đ [(30m² đất ở x 2.800.000đ) + (18,78m² đất vườn x 1.500.000đ) + 25.120.857đ] nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.864.500đ (cách tính: 137.287.805đ x 5%), được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005280 ngày 10/6/2022, bà L còn phải nộp 6.564.500đ (Sáu triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng).

[2.7.1.3] Bà Võ Thị Ngọc P được nhận tài sản có tổng giá trị là 219.977.689đ [(13,33m² đất ở x 2.800.000đ) + (112,68m² đất vườn x 1.500.000đ) + 13.633.689đ] nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.998.800đ (Mười triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm đồng) (cách tính: 219.977.689đ x 5%),

[2.7.1.4] Bà Lý Thị Ngọc L3 được nhận tài sản có tổng giá trị là 219.977.689đ [(13,33m² đất ở x 2.800.000đ) + (112,68m² đất vườn x 1.500.000đ) + 13.633.689đ] nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.998.800đ (Mười triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm đồng) (cách tính: 219.977.689đ x 5%).

[2.7.1.5] Bà Võ Thị Kiều N được nhận tài sản có tổng giá trị là 26.366.563đ [(4,44m² đất ở x 2.800.000đ) + (6,26m² đất vườn x 1.500.000đ) + 4.544.563đ] nên chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.318.000đ (Một triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng) (cách tính: 26.366.563đ x 5%).

[2.7.2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) do ông Võ Tấn T nộp tạm ứng chi. Ông Võ Tấn T, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Thị Ngọc L3 mỗi người phải chịu là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Thị Ngọc L3 mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn trình bày luận cứ phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5, khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 122, Điều 127, Điều 132, Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông Võ Tấn T. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L. Tuyên bố di chúc của cụ Hà Thị C2 lập ngày 22/9/2020 do UBND phường N chứng thực ngày 22/9/2020 số chứng thực 49, quyền số 01/ 2020/ -SCT/HĐ,GD là vô hiệu.

2. Xác định tài sản chung còn lại của vợ chồng cụ Võ Thanh S1, cụ Hà Thị C2 là ngôi nhà cấp 4 có giá trị là 68.923.008đ (trong đó phần cụ C2, cụ S1 mỗi người là 34.461.504đ) và 100m² đất ở (trong đó phần cụ S1 50m² đất ở, cụ C2 50m² đất ở) tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Quyền sử dụng đất vườn còn lại của hộ gia đình tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định là 281,7m² được chia cho 3 nhân khẩu còn lại gồm cụ Hà Thị C2, bà Võ Thị Ngọc P, bà Lý Nữ Hà L1 mỗi người là 93,9m² đất vườn. Công trình phụ có giá trị 22.219.776đ (Hai mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng) là tài sản riêng của cụ Hà Thị C2.

3. Xác định di sản của cụ Võ Thanh S1 là 50m² đất ở và số tiền 34.461.504đ

(Ba mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm lẻ bốn đồng). Di sản của cụ Hà Thị C2 là 66,67m² đất ở (50m² đất ở được chia tài sản chung với cụ S1 + 16,67m² đất ở nhận thừa kế của cụ S1) + 93,9m² đất vườn theo định mức nhân khẩu và số tiền 68.153.488đ (Sáu mươi tám triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng). Di sản của cụ S1 và cụ C2 được các đương sự thống nhất loại trừ ông Võ Văn T1, ông Võ Thành Đ thì chia thừa kế cho những người thừa kế còn lại của cụ S1, cụ C2 cho hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

4. Giao phần đất có diện tích là 100m² (trong đó có 50m² đất ở và 50m² đất vườn) tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định cho ông Võ Tấn T quản lý sử dụng (trong đó có 31,8m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông). Phần đất giao cho ông Võ Tấn T được ký hiệu D trên sơ đồ phân chia, có tứ cận:

Đông giáp phần đất giao cho vợ chồng ông Võ Thành Đ

Tây giáp đường Yết Kiêu

Nam giáp đường BTXM

Bắc giáp phần đất giao cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1.

5. Giao phần đất có diện tích 132,7m² (trong đó có 50m² đất ở và 82,7m² đất vườn) tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định cho ông Võ Văn T1 được quản lý, sử dụng (trong đó có 26,9m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông). Phần đất giao cho ông Võ Văn T1 được ký hiệu C trên sơ đồ phân chia, có tứ cận:

Đông giáp phần đất giao cho vợ chồng ông Võ Thành Đ

Tây giáp đường Yết Kiêu

Nam giáp phần nhà, đất giao cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1.

Bắc giáp thửa đất ODT 1268 và ODT 1269

6. Giao phần đất có diện tích 287,1m² (trong đó có 50m² đất ở và 237,1m² đất vườn) tại thửa đất số 1264 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Võ Thành Đ và bà Võ Thị Thu H được quản lý, sử dụng. Trên phần đất có các công trình là ngôi nhà cấp 4, chuồng bò, hiện tole, công trình phụ do vợ chồng ông Đ, bà H xây dựng. Phần đất giao cho vợ chồng ông Đ và bà H được ký hiệu B trên sơ đồ phân chia, có tứ cận:

Đông giáp thửa đất ODT

Tây giáp phần đất giao cho ông T1; bà L, bà P, bà L1 và ông T

Nam giáp đường BTXM

Bắc giáp thửa ODT 1269

7. Giao ngôi nhà cấp 4 ký hiệu nhà 1 + công trình phụ và phần đất có diện tích là 281,7m² (trong đó có 50m² đất ở và 231,7m² đất vườn) tại thửa đất số 1264 tờ bản

đồ số 7 tọa lạc tại khu vực A, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 cùng quản lý sử dụng chung (trong đó có 79,5m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông). Nhà đất giao cho cho bà Võ Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc P3, bà Lý Nữ Hà L1 được ký hiệu A trên sơ đồ phân chia, nhà đất có tứ cận:

Đông giáp phần đất giao cho vợ chồng ông Võ Thành Đ

Tây giáp đường Yết Kiêu

Nam giáp phần đất giao cho ông Võ Tấn T

Bắc giáp phần đất giao cho ông Võ Văn T1

(Các phần đất phân chia có sơ đồ kèm theo)

8. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Buộc vợ chồng ông Võ Tấn T bà Hồ Thị L2 có trách nhiệm giao nhà đất ký hiệu A cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Nữ Hà L1 cùng quản lý, sử dụng chung.

10. Buộc ông Võ Tấn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị L số tiền 7.244.763đ (Bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng) và thanh toán cho bà Võ Thị Kiều N số tiền là 21.822.000đ (Hai mươi một triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

11. Buộc bà Võ Thị Ngọc P có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Tấn T số tiền 2.073.237đ (Hai triệu, bảy mươi ba nghìn, hai trăm ba bảy đồng) và thanh toán cho bà Võ Thị Kiều N số tiền 1.514.854đ (Một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, tám năm bốn đồng).

12. Buộc bà Lý Nữ Hà L1 có trách nhiệm cho ông Võ Tấn T số tiền 2.073.237đ (Hai triệu, bảy mươi ba nghìn, hai trăm ba bảy đồng) và thanh toán cho bà Võ Thị Kiều N số tiền 1.514.854đ (Một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, tám năm bốn đồng).

13. Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Kiều N số tiền 1.318.000đ (Một triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng).

14. Về chi phí tố tụng:

14.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

14.1.1. Ông Võ Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.501.000đ (Chín triệu, năm trăm lẻ một nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005249 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông Võ Tấn T còn phải nộp 6.501.000đ (Sáu triệu, năm trăm lẻ một nghìn đồng).

14.1.2. Bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.864.500đ (Sáu triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005280 ngày 10/6/2022

của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Bà Võ Thị L còn phải nộp 6.564.500đ (Sáu triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng)

14.1.3. Bà Võ Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.998.800đ (Mười triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

14.1.4. Bà Lý Thị Ngọc L3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.998.800đ (Mười triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

14.1.5. Bà Võ Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.318.000đ (Một triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng).

14.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) do ông Võ Tấn T nộp tạm ứng chi. Ông Võ Tấn T, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Thị Ngọc L3 mỗi người phải chịu là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Buộc bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ngọc P và bà Lý Thị Ngọc L3 mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Tấn T số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

15. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

16. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

16.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

16.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

